

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-02-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Nguyên và bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh V tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn V, xã M, huyện T, tỉnh V, có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Xuân Tr, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn V, xã M, huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Xuân Tr trên cơ sở được tìm hiểu và tổ chức hôn lễ theo tập quán địa phương vào ngày 08/3/2010 đến ngày 30/01/2012 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do anh Tr hay uống rượu, đánh bạc và có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác và không có trách nhiệm gì với gia đình, thỉnh thoảng anh còn lấy tiền của chị đi chơi. Chị và gia đình khuyên nhưng anh không thay đổi. Từ tháng 8/2020 đến nay, anh chị ly thân và cắt đứt mọi quan hệ. Chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Tr.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị X xác định có 02 con là Trần Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và Trần Thị Bích N, sinh ngày 05/8/2013, hai cháu đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Xuân Tr trình bày: Anh Tr xác định về quá trình kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian ly thân như chị X trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chơi bời, uống rượu, chị X không có niềm tin với anh và

do làm ăn thua lỗ nên một số lần anh lấy tiền của chị. Vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra xô sát. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị X xin ly hôn, anh không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị đoàn tụ.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh Tr xác định có 02 con chung như chị X trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị X được tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh Tr không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị X được ly hôn anh Tr; giao cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng cả 2 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và Trần Thị Bích N, sinh ngày 05/8/2013; anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị X phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Xuân Tr; anh Tr, chị X đều cư trú tại huyện T, tỉnh V. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh Tr không đến và không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng anh Tr tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần này. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị X và anh Trần Xuân Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh V, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Theo cung cấp của đại diện địa phương, của gia đình anh Tr, của chị X và bản thân anh Tr cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh Tr không chịu làm ăn mà hay chơi bời, uống rượu. Chị X và gia đình khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi nên anh chị ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn. Tòa án đã nhiều lần hòa giải và tạo điều kiện để anh chị về đoàn tụ song anh Tr không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời trong quá trình làm việc và tại phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Tr vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh Tr chưa thật sự mong muốn việc đoàn tụ; chị X kiên quyết xin ly hôn. Do vậy hôn nhân của chị X, anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị X, cho chị X ly hôn anh Tr.

[3] Về giao nuôi con chung: Chị Đỗ Thị X và anh Trần Xuân Tr xác nhận có 02 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và Trần Thị Bích N, sinh ngày 05/8/2013, hai cháu đang sống cùng chị X. Ly hôn, chị X và anh Tr thỏa thuận, chị X được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên cần giao 02 cháu cho chị X được trực tiếp nuôi dưỡng; anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị X phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử.

1. Cho chị Đỗ Thị X được ly hôn với anh Trần Xuân Tr.

2. Giao cho chị Đỗ Thị X được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 27/8/2010 và cháu Trần Thị Bích N, sinh ngày 05/8/2013. Anh Trần Xuân Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Chị Đỗ Thị X phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008393 ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh V. Chị X đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh V;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Duy Nguyên

Nguyễn Thị Bích Hằng

Nguyễn Song Lư